TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ

Số: 34./BG/TBĐ/2019

ÁP DỤNG THEO Quyết Định:

Số: 651/QĐ-ĐLKH-P4 ngày 07/5/2012 của CTY CP ĐL Khánh Hòa
Số: 3079/QĐ-EVN CPC ngày 01/7/2013 của Tổng CTY ĐL Miền Trung

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6
ĐT: 02513.836139 - Fax : 02513.836070
www.phuocmy.com.vn ĐT: 0962.319.085

ĐVT: 1000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	CẤP ĐIỆN ÁP 22/0,23 kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	52	213	27,784
2		25 KVA	67	333	35,498
3		37,5 KVA	92	420	44,274
4		50 KVA	108	570	52,248
5		75 KVA	148	933	69,001
6		100 KVA	192	1305	81,764
STT	**LOẠI MÁY**	**CÔNG SUẤT**	**Po (w) (≤)**	**Pk (w) (≤)**	**CẤP ĐIỆN ÁP 22 / 0,4 kV**
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	30 KVA	110	500	76,361
2		50 KVA	150	650	95,807
3		75 KVA	190	1000	111,573
4		100 KVA	205	1250	120,253
5		160 KVA	280	1940	138,207
6		180 KVA	315	2185	155,494
7		250 KVA	340	2600	198,599
8		320 KVA	390	3330	239,671
9		400 KVA	433	3818	279,934
10		560 KVA	580	4810	320,833
11		630 KVA	780	5570	331,759
12		750 KVA	855	6725	352,493
13		800 KVA	880	6920	376,022
14		1000 KVA	980	8550	450,273
15		1250 KVA	1020	10690	531,325
16		1500 KVA	1223	12825	617,026
17		1600 KVA	1305	13680	624,040
18		2000 KVA	1500	17100	747,548

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.
+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ ngày đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.
+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.
+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ AMORPHOUS

Số: 36 ./BG/TBĐ/2019

ĐT: 02513.836139 - Fax : 02513.836070
MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ÁP DỤNG THEO :

- Quyết định số: 3079/QĐ-EVN SPC ngày 01/07/2013 của T.Cty ĐL Miền Trung

ĐVT: 1.000 đồng

S TT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.23kV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Tổng tổn hao (w)	Điện áp ngắn mạch Uk (%)	
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	17	213	230	2÷2,4	34,174
2		25 KVA	22	333	355	2÷2,4	42,598
3		37,5 KVA	31	420	451	2÷2,4	53,129
4		50 KVA	36	570	606	2÷2,4	62,698
5		75 KVA	49	933	982	2÷2,4	80,041
6		100 KVA	64	1,305	1,369	2÷2,4	94,846

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.4KV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Tổng tổn hao (w) (≤)	Điện áp ngắn mạch Uk (%)	
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	30 KVA	40	490	530	4÷6	88,579
2		50 KVA	56	650	706	4÷6	111,136
3		75 KVA	68	1000	1,068	4÷6	129,425
4		100 KVA	75	1250	1,325	4÷6	139,493
5		160 KVA	95	1940	2,035	4÷6	160,209
6		180 KVA	115	2185	2,300	4÷6	180,373
7		250 KVA	125	2600	2,725	4÷6	230,215
8		320 KVA	145	3330	3,475	4÷6	277,826
9		400 KVA	165	3820	3,985	4÷6	324,723
10		560 KVA	220	4810	5,030	4÷6	372,166
11		630 KVA	270	5570	5,840	4÷6	384,573
12		750 KVA	290	6725	7,015	4÷6	408,610
13		800 KVA	315	6920	7,235	4÷6	436,186
14		1,000 KVA	350	8550	8,900	4÷6	521,958
15		1,250 KVA	420	10690	11,110	4÷6	616,819
16		1,500 KVA	470	12850	13,320	4÷6	715,750
17		1,600 KVA	490	13680	14,170	4÷6	723,387
18		2,000 KVA	580	17100	17,680	4÷6	889,161

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.
+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ ngày đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.
+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.
+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Chảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ ECOTRANS

Số: 44 /BG/TBĐ/2019

ÁP DỤNG THEO : Quyết Định:

ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070

Số: 651/QĐ-ĐLKH-P4 ngày 7/5/2012 của CTY CP Đ.Lực Khánh Hòa

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

Số : 3079/QĐ-EVN CPC ngày 1/7/2013 của Tổng CTY ĐL Miền Trung

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.4kV
			Po(w) (≤)	*Pk(w)* (≤)	
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	205	1250	108,228
2		160 KVA	280	1940	124,386
3		180 KVA	315	2185	139,945
4		250 KVA	340	2600	178,739
5		320 KVA	390	3330	215,704
6		400 KVA	433	3818	251,941
7		560 KVA	580	4810	288,750
8		630 KVA	780	5570	298,583
9		750 KVA	855	6725	317,244
10		800 KVA	880	6920	338,420
11		1000 KVA	980	8550	405,246
12		1250 KVA	1020	10690	478,193
13		1500 KVA	1223	12825	555,323
14		1600 KVA	1305	13680	561,636
15		2000 KVA	1500	17100	672,793

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 2 năm (24 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 2.5 năm (30 tháng) . kể từ ngày giao hàng.

+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

THIBIDI

Số: 22./BG/TBĐ/2019

ĐT: 02513.836139 - Fax: 02513.836070
MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ

ÁP DỤNG THEO:

Quyết định số 2608/QĐ-EVN SPC ngày 03/09/2015 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

ĐVT:1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	CẤP ĐIỆN ÁP 12.7/0,23kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	52	213	26,716
2		25 KVA	67	333	34,219
3		37,5 KVA	92	420	42,677
4		50 KVA	108	570	50,367
5		75 KVA	148	933	66,517
6		100 KVA	192	1305	78,818
STT	**LOẠI MÁY**	**CÔNG SUẤT**	**Po (w) (≤)**	**Pk (w) (≤)**	**CẤP ĐIỆN ÁP 22/0,4kV**
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	205	1258	120,253
2		160 KVA	280	1940	138,207
3		180 KVA	315	2185	155,494
4		250 KVA	340	2600	198,599
5		320 KVA	390	3330	239,671
6		400 KVA	433	3818	279,934
7		560 KVA	580	4810	320,833
8		630 KVA	787	5570	331,759
9		750 KVA	855	6725	352,493
10		800 KVA	880	6920	376,022
11		1000 KVA	980	8550	450,273
12		1250 KVA	1020	10690	531,325
13		1500 KVA	1223	12825	617,026
14		1600 KVA	1305	13680	624,040
15		2000 KVA	1500	17100	747,548

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.
+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ ngày đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.
+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.
+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 1 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ AMORPHOUS

Số: 24 /BG/TBĐ/2019

ÁP DỤNG THEO Quyết định:

- Số: 2608/QĐ-EVN SPC ngày 03/09/2015 của T.Cty ĐL Miền Nam

ĐT: 0251.836139 - Fax : 0251.836070
MST: 3600253826

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				CẤP ĐIỆN ÁP 12,7/0,23kV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Tổng tổn hao (w)	Điện áp ngắn mạch	
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	17	213	230	2÷2,4	32,991
2		25 KVA	22	333	355	2÷2,4	41,513
3		37,5 KVA	31	420	451	2÷2,4	51,310
4		50 KVA	36	570	606	2÷2,4	58,335
5		75 KVA	49	933	982	2÷2,4	77,040
6		100 KVA	64	1,305	1,369	2÷2,4	91,288

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.4Kv
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Tổng tổn hao (w)	ĐA ngắn mạch Ilk(%)	
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	75	1258	1333	4÷6	139,493
2		160 KVA	95	1,940	2,035	4÷6	160,209
3		180 KVA	115	2,185	2,300	4÷6	180,373
4		250 KVA	125	2,600	2,725	4÷6	230,215
5		320 KVA	145	3,330	3,475	4÷6	277,826
6		400 KVA	165	3,818	3,983	4÷6	324,723
7		560 KVA	220	4,810	5,030	4÷6	372,166
8		630 KVA	270	5,570	5,840	4÷6	384,573
9		750 KVA	290	6,725	7,015	4÷6	408,610
10		800 KVA	310	6,920	7,230	4÷6	436,186
11		1,000 KVA	350	8,550	8,900	4÷6	521,958
12		1,250 KVA	420	10,690	11,110	4÷6	616,819
13		1,500 KVA	470	12,825	14,150	4÷6	715,750
14		1,600 KVA	490	13,680	14,170	4÷6	723,387
15		2,000 KVA	580	17,100	17,680	4÷6	889,161

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ ngày đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 1 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ ECOTRANS

Số: 38 ./BG/TBĐ/2019

ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070
MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ÁP DỤNG THEO :

Quyết định số 2608/QĐ-EVN SPC ngày 03/09/2015
của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT		CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.4kV
			Po(w) (≤)	*Pk(w)* (≤)	
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	205	1250	108,228
2		160 KVA	280	1940	124,386
3		180 KVA	315	2185	139,945
4		250 KVA	340	2600	178,739
5		320 KVA	390	3330	215,704
6		400 KVA	433	3818	251,941
7		560 KVA	580	4810	288,750
8		630 KVA	780	5570	298,583
9		750 KVA	855	6725	317,244
10		800 KVA	880	6920	338,420
11		1000 KVA	980	8550	405,246
12		1250 KVA	1020	10690	478,193
13		1500 KVA	1223	12825	555,323
14		1600 KVA	1305	13680	561,636
15		2000 KVA	1500	17100	672,793

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 2 năm (24 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 2.5 năm (30 tháng) . kể từ ngày giao hàng.

+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600253826 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ

Số: 30 /BG/TBĐ/2019
ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070
MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ÁP DỤNG THEO :
- Quyết định số: 3370/EVNHCMC-KT ngày 04/09/2018 của Tổng Công ty Điện Lực TP.Hồ Chí Minh

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	12,7/0,23kV
2	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	25 KVA	67	333	2	34,219
3		37,5 KVA	92	420		42,677
4		50 KVA	108	570		50,367
5		75 KVA	148	933		66,517
6		100 KVA	192	1,305		78,818

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	22/0,4kV
3	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	205	1,250	4	120,253
4		160 KVA	280	1,940		138,207
5		180 KVA	295	2,090		155,494
6		250 KVA	340	2,600		198,599
7		320 KVA	385	3,170		239,671
8		400 KVA	433	3,820		279,934
9		560 KVA	580	4,810		320,833
10		630 KVA	780	5,570		331,759
11		750 KVA	845	6,540	5	352,493
12		1.000 KVA	980	8,550		450,273
13		1.250 KVA	1,115	10,690		531,325
14		1.600 KVA	1,305	13,680	6	624,040
15		2.000 KVA	1,500	17,100		747,548
16		2.500 KVA	1,850	21,000		881,266
17		3.200 KVA	2,340	24,460	7	1,045,925

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ AMORPHOUS

Số: 32 ./BG/TBĐ/2019

ĐT: 0613.836139 - Fax : 0613.836070
MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ÁP DỤNG THEO :

- Quyết định số: 3370/EVNHCMC-KT ngày 04/09/2018 của Tổng Công ty Điện Lực TP.Hồ Chí Minh

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	CẤP ĐIỆN ÁP 12,7/0,23kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	25 KVA	27	333	2	41,513
2		37,5 KVA	37	420		51,310
3		50 KVA	43	570		58,335
4		75 KVA	59	933		77,040
5		100 KVA	70	1,305		91,288

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	CẤP ĐIỆN ÁP 22/0,4kV
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	82	1250	4	139,493
2		160 KVA	112	1940		160,209
3		180 KVA	118	2090		180,373
4		250 KVA	136	2600		230,215
5		320 KVA	154	3170		277,826
6		400 KVA	173	3820		324,723
7		560 KVA	232	4810		372,166
8		630 KVA	312	5570	5	384,573
9		750 KVA	338	6540		408,610
11		1,000 KVA	392	8550		521,958
12		1,250 KVA	446	10690	6	616,819
14		1,600 KVA	522	13680		723,387
15		2,000 KVA	600	17100		889,161

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ ngày đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ ECOTRANS

Số: 42 ./BG/TBĐ/2019

ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ÁP DỤNG THEO :

- Quyết định số: 3370/EVNHCMC-KT ngày 04/09/2018 của Tổng Công ty Điện Lực TP.Hồ Chí Minh

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP
			Po(w) (≤)	*Pk(w)* (≤)	*Uk(%)* (≥)	22/0,4kV
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	205	1,250	4	108,228
2		160 KVA	280	1,940		124,386
3		180 KVA	295	2,090		139,945
4		250 KVA	340	2,600		178,739
5		320 KVA	385	3,170		215,704
6		400 KVA	433	3,820		251,941
7		560 KVA	580	4,810		288,750
8		630 KVA	780	5,570		298,583
9		750 KVA	845	6,540	5	317,244
10		1.000 KVA	980	8,550		405,246
11		1.250 KVA	1,115	10,690		478,193
12		1.600 KVA	1,305	13,680	6	561,636
13		2.000 KVA	1,500	17,100		672,793

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 24 tháng kể từ khi đóng điện hoặc 30 tháng kể từ ngày giao hàng.

+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ

Số: 26 ./BG/TBĐ/2019
ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070
MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ÁP DỤNG THEO :
- Quyết định số: 62/QĐ-EVN ngày 05/05/2017 của Tập đoàn ĐL Việt Nam

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP	
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	12,7/0,23kV	22/0,23kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	52	213	2	26,716	27,784
2		25 KVA	67	333		34,219	35,498
3		37,5 KVA	92	420		42,677	44,274
4		50 KVA	108	570		50,367	52,248
5		75 KVA	148	933		66,517	69,001
6		100 KVA	192	1,305		78,818	81,764

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	22/0,4kV
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	50 KVA	120	715	4	95,807
2		75 KVA	165	985		111,573
3		100 KVA	205	1,250		120,253
4		160 KVA	280	1,940		138,207
5		180 KVA	295	2,090		155,494
6		250 KVA	340	2,600		198,599
7		320 KVA	385	3,170		239,671
8		400 KVA	433	3,820		279,934
9		560 KVA	580	4,810		320,833
10		630 KVA	780	5,570		331,759
11		750 KVA	845	6,540	5	352,493
12		1.000 KVA	980	8,550		450,273
13		1.250 KVA	1,115	10,690		531,325
14		1.600 KVA	1,305	13,680	6	624,040
15		2.000 KVA	1,500	17,100		747,548
16		2.500 KVA	1,850	21,000		881,266
17		3.200 KVA	2,340	24,460	7	1,045,925

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.
+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.
+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ khi giao hàng.
+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ AMORPHOUS

Số: 28 ./BG/TBĐ/2019
ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070
MST: 3600253826

ÁP DỤNG THEO :
- Quyết định số: 62/QĐ-EVN ngày 05/05/2017 của Tập đoàn ĐL Việt Nam

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP	
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	12,7/0,23kV	22/0,23kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	17	213	2	32,991	34,174
2		25 KVA	22	333		41,513	42,598
3		37,5 KVA	31	420		51,310	53,129
4		50 KVA	36	570		58,335	62,698
5		75 KVA	49	933		77,040	80,041
6		100 KVA	64	1,305		91,288	94,846

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP 22/0,4kV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	50 KVA	56	715	4	111,136
2		75 KVA	68	985		129,425
3		100 KVA	75	1,250		139,493
4		160 KVA	95	1,940		160,209
5		180 KVA	115	2,090		180,373
6		250 KVA	125	2,600		230,215
7		320 KVA	145	3,170		277,826
8		400 KVA	165	3,820		324,723
9		560 KVA	220	4,810		372,166
10		630 KVA	270	5,570		384,573
11		750 KVA	290	6,540	5	408,610
12		1.000 KVA	350	8,550		521,958
13		1.250 KVA	420	10,690		616,819
14		1.600 KVA	490	13,680	6	723,387
15		2.000 KVA	580	17,100		889,161
16		2.500 KVA	900	21,000		1,105,122

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.
+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ khi giao hàng.
+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.
+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN (THIBIDI)

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ ECOTRANS

Số: 40 ./BG/TBĐ/2019

ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070
MST: 3600253826

ÁP DỤNG THEO :

- Quyết định số:62/QĐ-EVN NGÀY 05/05/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	22/0,4kV
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	205	1,250	4	108,228
2		160 KVA	280	1,940		124,386
3		180 KVA	295	2,090		139,945
4		250 KVA	340	2,600		178,739
5		320 KVA	385	3,170		215,704
6		400 KVA	433	3,820		251,941
7		560 KVA	580	4,810		288,750
8		630 KVA	780	5,570		298,583
9		750 KVA	845	6,540	5	317,244
10		1.000 KVA	980	8,550		405,246
11		1.250 KVA	1,115	10,690		478,193
12		1.600 KVA	1,305	13,680	6	561,636
13		2.000 KVA	1,500	17,100		672,793

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 2 năm (24 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 2.5 năm (30 tháng) . kể từ ngày giao hàng.

+ Các máy biến thế khác được thiết kế, chế tạo theo yêu cầu của khách hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***01/01/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo